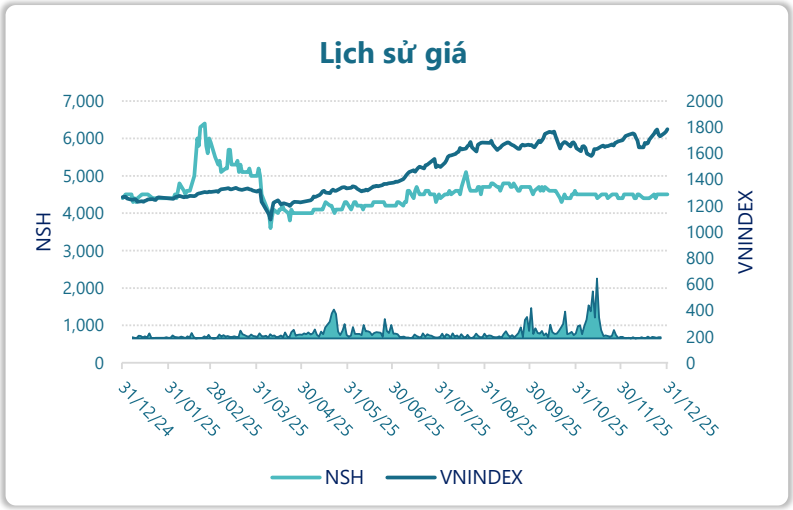
FireAnt

CTCP Tập đoàn Nhôm Sông Hồng Shalumi (HNX: NSH)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	20,693,437
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,685
% sở hữu nước ngoài	1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	93
P/E	26.3
EPS	171

DT thuần

Q4/25

332

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.0| 11.2%

YoY: ▼34.0| -9.2%

LN sau thuế

Q4/25

1.76

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.37| 351%

YoY: ▲ 1.44| 450%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.1%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

2025

1,143

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 130| 12.8%

LN sau thuế

2025

3.54

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.67| 88.8%

ROE

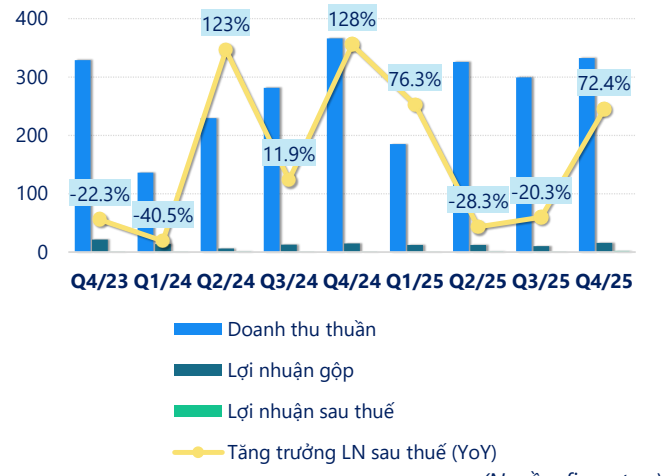
2025

1.5%

+/- YoY: ▲ 0.7%

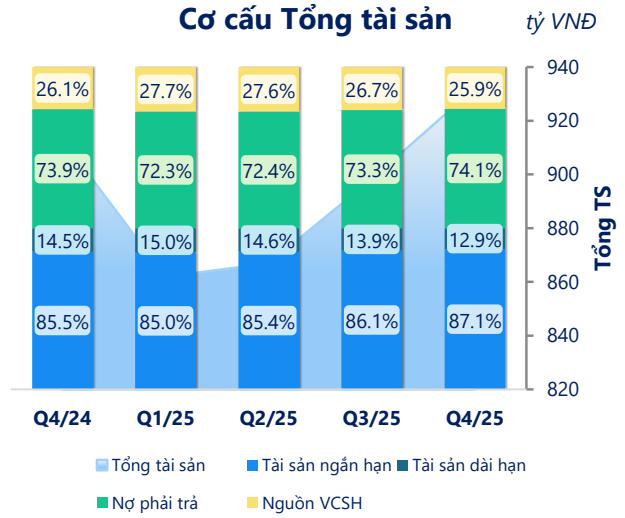
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



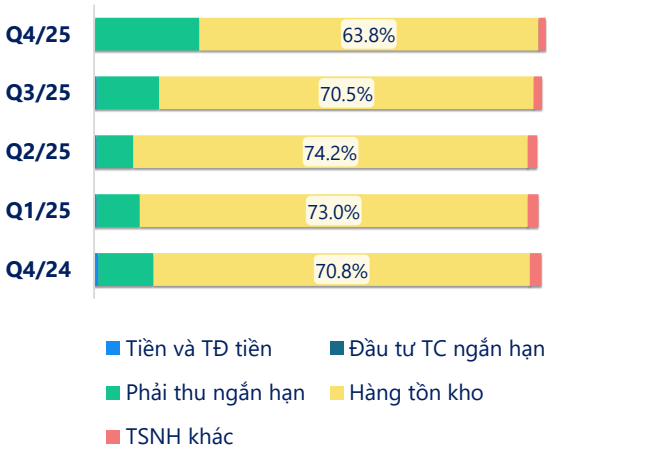
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



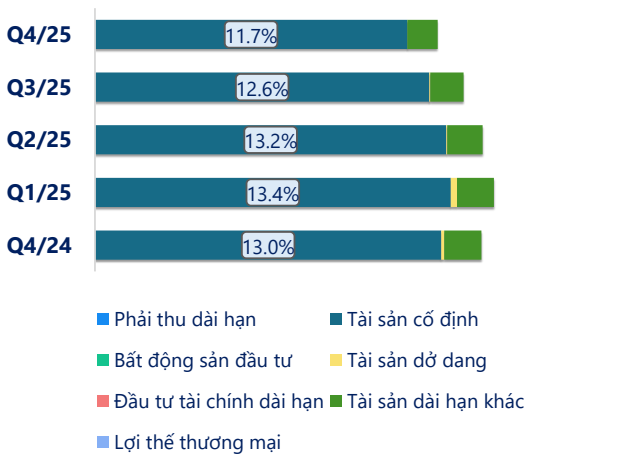
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



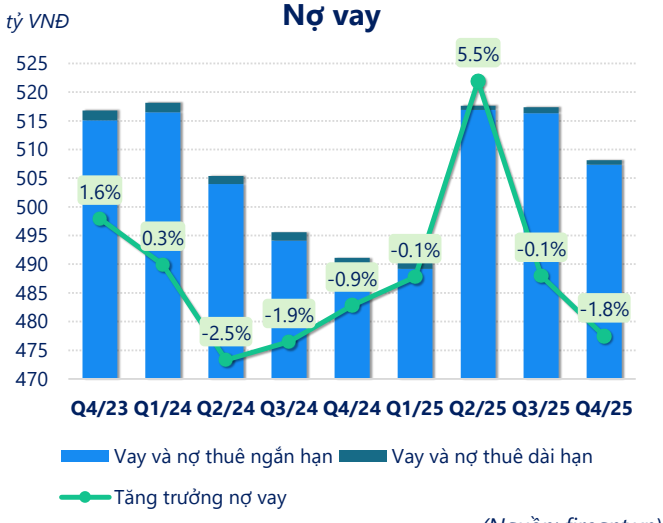
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



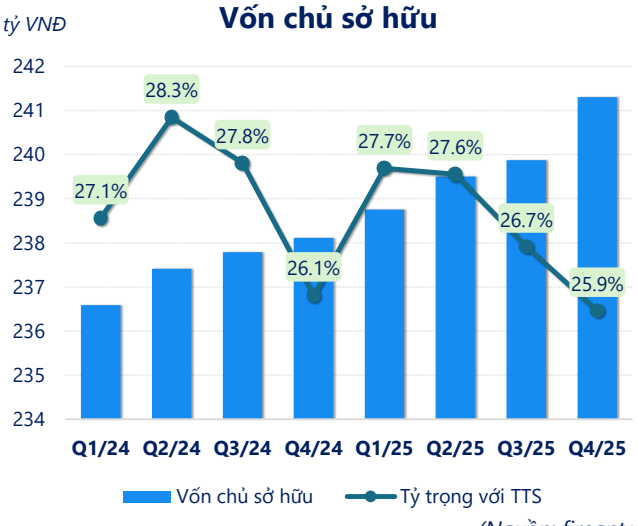
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



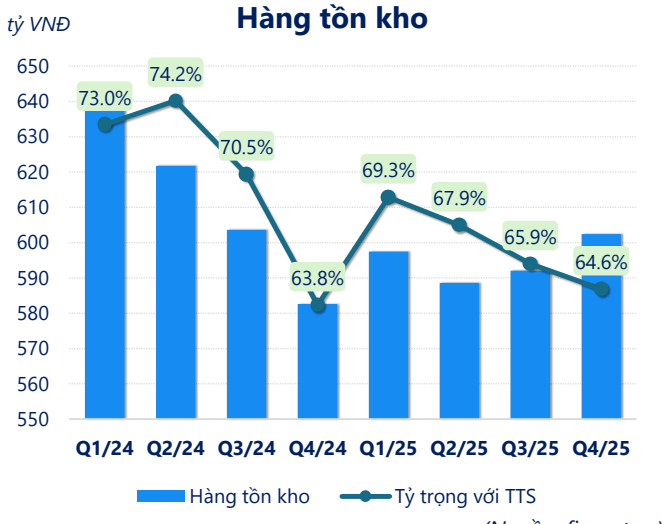
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



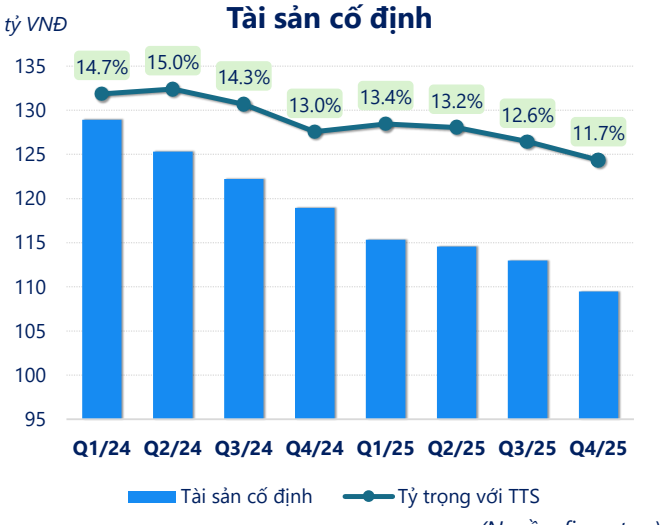
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



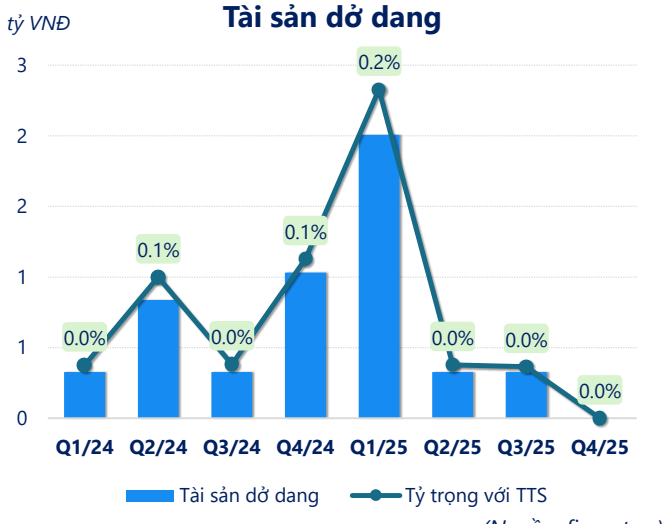
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



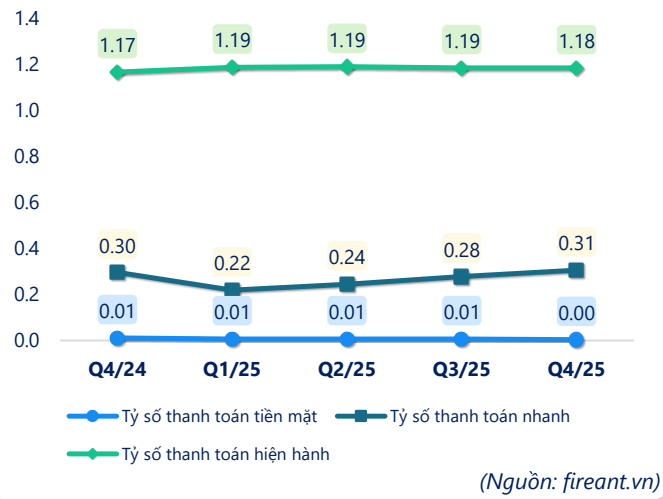
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



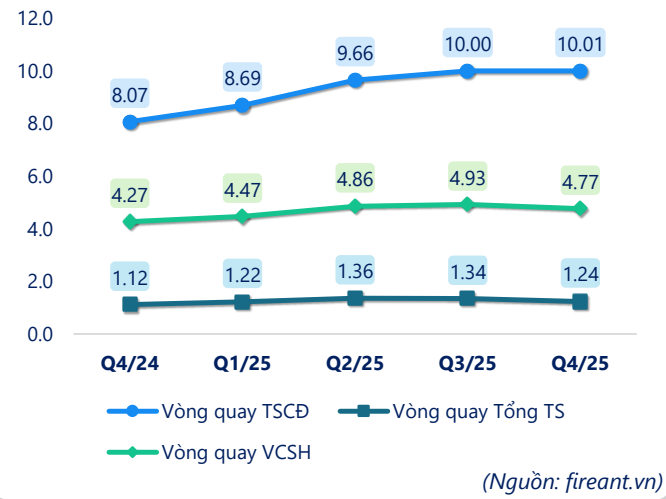
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**913**	**862**	**867**	**898**	**932**
Tài sản ngắn hạn	**780**	**733**	**741**	**774**	**812**
Tiền và tương đương tiền	7.46	3.84	4.19	4.49	2.49
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	178	119	137	168	199
Hàng tồn kho	583	597	589	592	602
Tài sản ngắn hạn khác	12.3	11.9	10.6	9.06	8.27
Tài sản dài hạn	**133**	**129**	**126**	**125**	**120**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	119	115	115	113	109
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.03	2.01	0.33	0.33	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.7	12.0	11.5	11.2	10.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**675**	**623**	**627**	**658**	**691**
Nợ ngắn hạn	**669**	**617**	**622**	**653**	**685**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	490	489	517	516	507
Phải trả người bán ngắn hạn	159	106	88.4	115	161
Nợ dài hạn	6.22	6.13	5.44	5.57	5.38
Vay và nợ thuê dài hạn	1.45	1.43	0.75	1.01	0.79
Nguồn vốn chủ sở hữu	**238**	**239**	**240**	**240**	**241**
Vốn chủ sở hữu	**238**	**239**	**240**	**240**	**241**
Vốn điều lệ	207	207	207	207	207
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)